

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

Website : [www.kiemtoan.net.vn](http://www.kiemtoan.net.vn)

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1-3
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
3.1 Bảng cân đối kế toán	6-9
3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
3.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13-35

007/2014/CT-NSW

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26 tháng 05 năm 2015 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 06/05/2016 về việc đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại 84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200444916

Điện thoại: (058) 3523 863

Fax: (058) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ, Quản lý nghĩa trang, Dịch vụ mai táng, Dịch vụ địa táng, Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;



## **BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm của báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	26/12/2014	
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	26/12/2014	
Ông Ngô Văn Dũng	Thành viên	26/12/2014	
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	26/12/2014	
Ông Nguyễn Đăng Vinh	Thành viên	26/12/2014	25/04/2016

#### **Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	26/12/2014	
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	26/12/2014	
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	26/12/2014	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	01/01/2015	
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2015	
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	01/01/2015	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Hồ Ngọc Ân - Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc khẳng định Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *Handwritten signature*



**HỒ NGỌC AN**

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Handwritten vertical text on the right margin: '10/1/2017 13:11'



Số: 048 /2017/BCTC-FACNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

---

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và Báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 07 tháng 07 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC  
CHI NHÁNH NHA TRANG**



---

**Nguyễn Thịnh**

**Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0473-2013-099-1*

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

---

**Diễn Văn Châu**

**Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0074-2014-099-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>81.948.434.264</b>	<b>79.937.204.975</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>48.160.908.503</b>	<b>39.716.192.221</b>
1. Tiền	111		48.160.908.503	39.716.192.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.474.197.194</b>	<b>38.343.999.764</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.693.776.000	33.706.136.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	150.123.200	95.123.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.630.297.994	4.542.740.464
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.688.458.749</b>	<b>1.794.240.044</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.688.458.749	1.794.240.044
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>624.869.818</b>	<b>82.772.946</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	89.681.728	67.474.027
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		535.188.090	15.298.919
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.016.374.236</b>	<b>47.026.775.654</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.334.021.105</b>	<b>43.980.753.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	41.334.021.105	43.980.753.487
<i>Nguyên giá</i>	222		91.820.876.719	85.879.393.785
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.486.855.614)	(41.898.640.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.081.818</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	19.081.818	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.663.271.313</b>	<b>3.046.022.167</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.663.271.313	3.046.022.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>124.964.808.500</b>	<b>126.963.980.629</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>56.342.031.087</b>	<b>62.023.700.349</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.208.083.848</b>	<b>58.576.358.386</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.673.642.925	851.982.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.685.374.813	3.361.612.687
4. Phải trả người lao động	314	V.12	33.986.035.372	42.942.421.964
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.978.339.587	2.878.625.757
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.595.403.827	5.775.455.936
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.961.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	14.892.600	2.452.864.823
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.133.947.239</b>	<b>3.447.341.963</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	3.133.947.239	3.447.341.963
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.622.777.413</b>	<b>64.940.280.280</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>68.121.952.988</b>	<b>63.461.810.376</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		519.272.000	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.602.680.988	3.461.810.376
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.602.680.988	3.461.810.376
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>500.824.425</b>	<b>1.478.469.904</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.19	500.824.425	1.478.469.904
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>124.964.808.500</b>	<b>126.963.980.629</b>

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Người lập biểu



**Nguyễn Hùng Thanh**  
Kế toán trưởng



**Hồ Ngọc Ân**  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	157.330.354.487	139.236.687.158
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	45.009.000	11.369.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		157.285.345.487	139.225.318.158
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	138.429.462.241	128.147.457.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.855.883.246	11.077.861.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	101.470.587	147.694.753
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	240.854.293	259.517.180
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		240.854.293	259.517.180
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.764.812.226	6.945.327.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.951.687.314	4.020.711.192
11. Thu nhập khác	31	VI.7	338.651.505	626.800.317
12. Chi phí khác	32	VI.8	626.478.248	163.165.634
13. Lợi nhuận khác	40		(287.826.743)	463.634.683
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.663.860.571	4.484.345.875
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.061.179.583	1.022.535.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.602.680.988	3.461.810.376
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.267	479

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu

Nguyễn Hùng Thanh  
Kế toán trưởng



Hồ Ngọc Ân  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.663.860.571	4.484.345.875
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 9	8.637.322.629	8.365.486.444
- Các khoản dự phòng	03		1.961.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(101.470.587)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI. 4	240.854.293	259.517.180
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.401.566.906	13.109.349.499
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.885.101.489	4.066.131.854
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		105.781.295	(279.838.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.120.301.815)	11.259.252.495
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.366.036.771	1.566.190.995
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(247.059.508)	(259.517.180)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI. 13	(2.198.098.120)	(2.428.399.140)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		34.418.382.814	30.347.424.896
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(38.436.603.730)	(30.209.754.251)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.174.806.102</b>	<b>27.170.840.484</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.418.165.683)	(3.580.845.031)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.470.587	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.316.695.096)</b>	<b>(3.580.845.031)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.100.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.413.394.724)	(313.394.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		8.444.716.282	23.276.600.729
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V. 1	39.716.192.221	16.439.591.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V. 1	48.160.908.503	39.716.192.221

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Hùng Thanh**  
 Kế toán trưởng



**Hồ Ngọc Ân**  
 Tổng Giám đốc



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



## **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Đầu tư
- Phòng Kế hoạch
- Đội Môi trường 1
- Đội Môi trường 2
- Đội Môi trường 3
- Đội Môi trường 4
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Xe
- Đội Thu phí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hòa
- Đội Điện
- Đội Xây dựng

## **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 911 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 890 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **2. Các khoản phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

##### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08

#### 5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 2 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

***Chi phí khác***

Chi phí sửa chữa xe và các chi phí khác được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng.

**7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

**8. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**9. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**11. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được



tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **15. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		Đơn vị: VND	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt		141.912.203	20.924.229
Tiền gửi Ngân hàng bằng đồng Việt Nam		48.018.996.300	39.695.267.992
<b>Cộng</b>		<b>48.160.908.503</b>	<b>39.716.192.221</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
UBND Thành phố Nha Trang		27.324.873.000	32.097.432.000
Các đối tượng khác		2.368.903.000	1.608.704.100
<b>Cộng</b>		<b>29.693.776.000</b>	<b>33.706.136.100</b>

<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc		95.123.200	95.123.200
Các đối tượng khác		55.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>150.123.200</b>	<b>95.123.200</b>

<b>4. Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	
UBND tỉnh Khánh Hòa - phải thu tiền bổ sung vốn điều lệ	-	-	4.118.671.170		
Tạm ứng:	921.300.000	-	269.876.000		-
Ký quỹ, ký cược	10.188.000	-	10.488.000		-
Các khoản khác	698.809.994	-	143.705.294		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.630.297.994</b>	<b>-</b>	<b>4.542.740.464</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>5. Hàng tồn kho</b>		<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	
Nguyên liệu, vật liệu	900.852.248	-	918.281.009		-
Công cụ, dụng cụ	335.163.150	-	407.877.766		-
Chi phí sản xuất, kinh	2.700.939	-	97.059.874		-
Thành phẩm	111.307.040	-	124.299.982		-
Hàng hóa	338.435.372	-	246.721.413		-
<b>Cộng</b>	<b>1.688.458.749</b>	<b>-</b>	<b>1.794.240.044</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Chi phí công cụ dụng cụ		72.816.847	53.849.816
Chi phí bảo hiểm		16.864.881	13.624.211
<b>Cộng</b>		<b>89.681.728</b>	<b>67.474.027</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2016	19.985.838.948	195.412.316	65.556.541.590	141.600.931	85.879.393.785
Mua trong năm	1.760.994.546	214.667.500	4.020.421.819	-	5.996.083.865
Giảm khác				(54.600.931)	(54.600.931)
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>21.746.833.494</b>	<b>410.079.816</b>	<b>69.576.963.409</b>	<b>87.000.000</b>	<b>91.820.876.719</b>

*Trong đó:*

Dùng để thế chấp cầm cổ đảm bảo các khoản vay	-	-	5.860.000.000	-	5.860.000.000
Đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	385.791.988	-	791.943.200	-	1.177.735.188
Chờ thanh lý	-	-	3.668.758.289	-	3.668.758.289
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HDSXKD	-	-	2.021.021.000	-	2.021.021.000

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại 01/01/2016	9.296.575.981	33.388.631	32.474.769.586	93.906.100	41.898.640.298
Khấu hao trong năm	1.697.915.779	30.188.494	6.883.773.139	25.445.217	8.637.322.629
Giảm khác	-	-	-	(49.107.313)	(49.107.313)
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>10.994.491.760</b>	<b>63.577.125</b>	<b>39.358.542.725</b>	<b>70.244.004</b>	<b>50.486.855.614</b>

*Trong đó:*

Dùng để thế chấp cầm cổ đảm bảo các khoản vay	-	-	3.506.555.112	-	3.506.555.112
Chờ thanh lý	-	-	3.668.758.289	-	3.668.758.289
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HDSXKD	-	-	1.551.931.398	-	1.551.931.398

**Giá trị còn lại**

Tại 01/01/2016	10.689.262.967	162.023.685	33.081.772.004	47.694.831	43.980.753.487
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>10.752.341.734</b>	<b>346.502.691</b>	<b>30.218.420.684</b>	<b>16.755.996</b>	<b>41.334.021.105</b>

*Trong đó:*

Dùng để thế chấp cầm cổ đảm bảo các khoản vay	-	-	2.353.444.888	-	2.353.444.888
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Tạm dừng hoạt động không tham gia vào HDSXKD	-	-	469.089.602	-	469.089.602

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính

11/11/2016 10:11:11

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2016	01/01/2016
Công trình cải tạo bể chứa, xây dựng bể tách vẩn dầu mỡ, xử lý bùn nạo vét bể phốt tại bãi chôn lấp Lương Hòa	19.081.818	-
<b>Cộng</b>	<b>19.081.818</b>	<b>-</b>

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí sửa chữa	668.782.497	483.320.017
Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác	994.488.816	2.562.702.150
<b>Cộng</b>	<b>1.663.271.313</b>	<b>3.046.022.167</b>

10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH TM và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	2.597.000.000	-
Các đối tượng khác	1.076.642.925	851.982.495
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.673.642.925</b>	<b>851.982.495</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Được hoàn trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	1.895.775.320	9.922.238.974		(9.461.558.311)	2.356.455.983
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.465.837.367	2.061.179.583		(2.198.098.120)	1.328.918.830
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.298.919)	522.477.860	21.418.964	(1.063.785.995)	(535.188.090)
Thuế đất và Tiền thuê đất		200.457.600		(200.457.600)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		3.000.000		(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.346.313.768</b>	<b>12.709.354.017</b>	<b>21.418.964</b>	<b>(12.926.900.026)</b>	<b>3.150.186.723</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Hoạt động: duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất như sau:

- + Bán cây cảnh 5%
- + Bán chậu cảnh, xây mộ, Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh 10%



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh IV.15 và VI.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

**12. Phải trả người lao động**

Số dư phải trả người lao động cuối năm là quỹ lương còn lại chưa chi.

Trong đó:

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ lương từ hoạt động kinh doanh	24.253.772.305	23.477.895.828
Quỹ tiền lương thực hiện hợp đồng 96/2012/HDCƯDVBS (*)	9.732.263.067	19.464.526.136
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.986.035.372</b>	<b>42.942.421.964</b>

(\*) Quỹ tiền lương này sẽ được chi trả cho người lao động sau khi Công ty nhận được khoản thanh toán hợp đồng từ UBND Thành Phố Nha Trang. Phương án phân phối quỹ tiền lương này đang được Công ty trình Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí phải trả tiền ăn ca	663.320.000	1.418.351.000
Thuế ngoài xây mộ 02 nghĩa trang trong kỳ	636.831.456	345.583.635
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.678.188.131	1.114.691.122
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.978.339.587</b>	<b>2.878.625.757</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	4.270.038.148	4.423.172.148
Tài sản thừa chờ giải quyết	60.741.442	60.741.442
Kinh phí công đoàn	76.212.123	61.203.090
Phải trả Ban quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại công nhân viên	582.511.544	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	511.526.365	135.965.051
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.595.403.827</b>	<b>5.775.455.936</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn***Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau*

	Năm 2016	Năm 2015
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Vay dài hạn đến hạn trả	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay đã trả	(313.394.724)	(313.394.724)
<b>Số cuối năm</b>	<b>313.394.724</b>	<b>313.394.724</b>

Thông tin về khoản vay xem tại thuyết minh V.18.

**16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	1.842.454.690	531.034.644	79.375.489	2.452.864.823
Ngân sách thưởng	521.000.000	-	-	521.000.000
Trích quỹ	346.181.000	173.091.000	69.236.000	588.508.000
Thu hồi các khoản đã chi bằng tiền	1.739.500.000	500.000	3.000.000	1.743.000.000
Chi quỹ trong năm nay bằng tiền	(4.287.754.690)	(851.114.044)	(151.611.489)	(5.290.480.223)
<b>Số cuối năm</b>	<b>161.381.000</b>	<b>(146.488.400)</b>	<b>-</b>	<b>14.892.600</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn***Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau*

	Năm 2016	Năm 2015
Số đầu năm	3.447.341.963	3.760.736.687
Kết chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	(313.394.724)	(313.394.724)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.133.947.239</b>	<b>3.447.341.963</b>

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình sau:

- Xe ép rác HINO 14.5 m<sup>3</sup>- biển số 79C-082.84;
- Xe ép rác HINO 8m<sup>3</sup>-biển số 79C-083.88;
- Xe ép rác HINO 14.5 m<sup>3</sup>-biển số 79C-082.93;
- Xe ép rác HINO 8m<sup>3</sup>- biển số 79C-081.11;
- Xe ép rác HINO 8m<sup>3</sup>-biển số 79C-082.72.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	3.461.810.376	3.461.810.376
Tại ngày 31/12/2015	60.000.000.000	-	3.461.810.376	63.461.810.376
Tại ngày 01/01/2016	60.000.000.000	-	3.461.810.376	63.461.810.376
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	7.602.680.988	7.602.680.988
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	519.272.000	(519.272.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(519.272.000)	(519.272.000)
Trích quỹ thường ban quản lý điều hành công ty	-	-	(69.236.000)	(69.236.000)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
Số cổ tức chưa chi	-	-	(254.030.376)	(254.030.376)
Tại ngày 31/12/2016	60.000.000.000	519.272.000	7.602.680.988	68.121.952.988

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa	37.041.000.000	37.041.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	15.113.000.000	14.430.690.000
Các cổ đông khác	7.846.000.000	8.528.310.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông (3,5% vốn điều lệ) với số tiền 2.100.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25/04/2016.

**19. Nguồn kinh phí**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số đầu năm	1.478.469.904	54.545.259
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	32.154.382.814	30.107.306.996
Chi sự nghiệp	(33.131.989.293)	(28.357.972.251)
Giảm khác	(39.000)	(325.410.100)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>500.824.425</u></b>	<b><u>1.478.469.904</u></b>

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ:**

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là giá trị tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có Nguyên giá là: 206.796.836.726 đồng; Giá trị còn lại đến 31/12/2016 là: 40.883.235.757 đồng.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng	139.523.830.071	123.525.252.585
Doanh thu cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	17.806.524.416	15.711.434.573
<b>Cộng</b>	<b><u>157.330.354.487</u></b>	<b><u>139.236.687.158</u></b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	45.009.000	11.369.000
<b>Cộng</b>	<b><u>45.009.000</u></b>	<b><u>11.369.000</u></b>

3. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn cung cấp dịch vụ công cộng	125.852.234.695	115.675.875.091
Giá vốn cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác	12.577.227.546	12.471.581.965
<b>Cộng</b>	<b><u>138.429.462.241</u></b>	<b><u>128.147.457.056</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	101.470.587	147.694.753
<b>Cộng</b>	<b>101.470.587</b>	<b>147.694.753</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Chi phí lãi vay	240.854.293	259.517.180
<b>Cộng</b>	<b>240.854.293</b>	<b>259.517.180</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.843.599.665	3.690.862.497
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	349.063.166	414.895.255
Chi phí khấu hao TSCĐ	513.816.408	474.407.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.265.726.468	1.511.767.469
Các chi phí khác	792.606.519	853.394.710
<b>Cộng</b>	<b>8.764.812.226</b>	<b>6.945.327.483</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản	42.627.909	-
Tiền bồi thường	45.658.867	434.676.951
Thu nhập từ đền bù, giải tỏa	214.053.000	171.562.000
Thu nhập khác	36.311.729	20.561.366
<b>Cộng</b>	<b>338.651.505</b>	<b>626.800.317</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Thuế bị phạt, truy thu	23.417.149	17.928.931
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	140.834.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	402.076.812	-
Chi phí bồi thường, đền bù	136.545.700	-
Chi phí khác	64.438.587	4.402.491
<b>Cộng</b>	<b>626.478.248</b>	<b>163.165.634</b>

11/2/2016 10:24 AM



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Năm 2016	Năm 2015
<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% kể từ năm 2016 (thuế suất năm 2015 là 22%). Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	9.663.860.571	4.484.345.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>		
Các khoản chi phí không được trừ	642.037.344	163.542.755
Tăng doanh thu tính thuế TNDN	-	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>		
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	10.305.897.915	4.647.888.630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.061.179.583</b>	<b>1.022.535.499</b>

	Năm 2016	Năm 2015
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.602.680.988	3.461.810.376
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển...	-	(588.508.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>7.602.680.988</b>	<b>2.873.302.376</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.267</b>	<b>479</b>

(\*): Số năm trước đã được điều chỉnh so với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán do trong năm 2016 Công ty trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập là 588.508.000 đồng, bao gồm trích lập bổ sung quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty là 69.236.000 đồng, làm Lãi cơ bản trên cổ phiếu đang từ 490 đồng/Cổ phiếu, giảm xuống còn 479 đồng/Cổ phiếu.

	Năm 2016	Năm 2015
<b>11. Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.753.999.972	17.617.111.799
Chi phí nhân công	100.415.685.528	85.588.687.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.637.322.629	8.365.486.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.097.756.865	16.330.256.668
Chi phí khác bằng tiền	4.408.432.748	7.611.530.407
	<b>148.313.197.742</b>	<b>135.513.072.843</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và điện chiếu sáng;
- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, chậu cây, các sản phẩm phục vụ mai táng, dịch vụ phục vụ mai táng, dịch vụ cho thuê bãi đổ rác thải sinh hoạt, cho thuê nhà vệ sinh đi đông...

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016				
	Dịch vụ công cộng	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng cộng
Doanh thu thuần	139.523.830.071	17.761.515.416	-	157.285.345.487
Doanh thu tài chính	-	-	101.470.587	101.470.587
Thu nhập khác	-	-	338.651.505	338.651.505
<b>Tổng doanh thu và Thu nhập khác</b>	<b>139.523.830.071</b>	<b>17.761.515.416</b>	<b>440.122.092</b>	<b>157.725.467.579</b>
Giá vốn hàng bán	125.852.234.695	12.577.227.546		138.429.462.241
Chi phí tài chính			240.854.293	240.854.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp			8.764.812.226	8.764.812.226
Chi phí khác			626.478.248	626.478.248
<b>Tổng chi phí</b>	<b>125.852.234.695</b>	<b>12.577.227.546</b>	<b>9.632.144.767</b>	<b>148.061.607.008</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.671.595.376</b>	<b>5.184.287.870</b>	<b>(9.192.022.675)</b>	<b>9.663.860.571</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015				
	Dịch vụ công cộng	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng cộng
Doanh thu thuần	123.525.252.585	15.700.065.573	-	139.225.318.158
Doanh thu tài chính	-	-	147.694.753	147.694.753
Thu nhập khác	-	-	626.800.317	626.800.317
<b>Tổng doanh thu và Thu nhập khác</b>	<b>123.525.252.585</b>	<b>15.700.065.573</b>	<b>774.495.070</b>	<b>139.999.813.228</b>
Giá vốn hàng bán	115.675.875.091	12.471.581.965		128.147.457.056
Chi phí tài chính			259.517.180	259.517.180
Chi phí quản lý doanh nghiệp			6.945.327.483	6.945.327.483
Chi phí khác			163.165.634	163.165.634
<b>Tổng chi phí</b>	<b>115.675.875.091</b>	<b>12.471.581.965</b>	<b>7.368.010.297</b>	<b>135.515.467.353</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.849.377.494</b>	<b>3.228.483.608</b>	<b>(6.593.515.227)</b>	<b>4.484.345.875</b>

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,74% vốn điều lệ
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
<b>Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa</b>		
Hoàn trả số tiền nộp thừa thu từ cổ phần hóa	4.118.671.170	-
Kinh phí hỗ trợ công nhân trực tiếp thu dọn rác nhân dịp Tết Bình Thuận 2016	521.000.000	-
<b>DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân</b>		
Trả cổ tức 2015	528.955.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

<b>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy chế	1.078.115.152	768.000.000
Tạm ứng phát sinh trong năm	270.000.000	32.000.000
Thanh toán tạm ứng	26.340.000	277.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:		
	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Phải trả Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa	4.270.038.148	4.423.172.148

**3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tiền gửi ngân hàng.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

1024  
CỔN  
HXX  
FA  
HIN  
IAT  
NG



***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

***Phải thu khách hàng***

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khách hàng lớn của Công ty là Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực công cộng cho các khách hàng này, nên rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu vào các khách hàng này. Các khách hàng này sẽ được ngân sách cấp vốn để thanh toán cho dịch vụ Công ty và Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khách hàng này là thấp.

Đối với các cửa các khách hàng khác, Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, nên rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

12/11/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán	851.982.495	-	-	851.982.495
Các khoản phải trả khác	5.775.455.936	-	-	5.775.455.936
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	3.447.341.963	-	3.760.736.687
	<b>6.940.833.155</b>	<b>3.447.341.963</b>	-	<b>10.388.175.118</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán	3.673.642.925	-	-	3.673.642.925
Các khoản phải trả khác	6.595.403.827	-	-	6.595.403.827
Vay và nợ thuê tài chính	313.394.724	3.133.947.239	-	3.447.341.963
	<b>10.582.441.476</b>	<b>3.133.947.239</b>	-	<b>13.716.388.715</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

**4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.160.909	-	39.716.192	-	48.160.909	39.716.192
Phải thu khách hàng	29.693.776	-	33.706.136	-	29.693.776	33.706.136
Phải thu khác	1.630.298	-	4.542.740	-	1.630.298	4.542.740
<b>Cộng</b>	<b>79.484.982</b>	-	<b>77.965.069</b>	-	<b>79.484.982</b>	<b>77.965.069</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)		Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	Phải trả người bán	3.673.643	851.982	3.673.643
Các khoản phải trả khác	6.595.404	5.775.456	6.595.404	5.775.456
Vay và nợ thuê tài chính	3.447.341.963	3.760.736.687	3.447.341.963	3.760.736.687
<b>Cộng</b>	<b>3.457.611.010</b>	<b>3.767.364.125</b>	<b>3.457.611.010</b>	<b>3.767.364.125</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

84 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.




**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Người lập biểu



**Nguyễn Hùng Thanh**  
Kế toán trưởng



*Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2017*



**Hồ Ngọc Ân**  
Tổng Giám đốc